

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	I
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2007	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2007	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2007	15 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Khai quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ theo Quyết định số 1424/QĐ - BTM ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung, trong đó, lần thay đổi thứ 05 ngày 02 tháng 8 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông là Nhà nước	6.720.000.000	12,22
Cổ đông là người lao động trong và ngoài doanh nghiệp	48.280.000.000	87,78
Cộng	55.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 2A Phạm Sư Mạnh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (04) 3826 5438 Fax : (04) 3825 9275
E-mail : artexport.hn@fpt.vn
Mã số thuế : 0100107356

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại Hải Phòng	25 phố Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Xí nghiệp Sản xuất và Xuất nhập khẩu hàng Thủ công Mỹ nghệ	23 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại Đà Nẵng 2	157 phố Nguyễn Hoàng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh	31 phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại Đà Nẵng 1	Chi nhánh đã dừng hoạt động từ năm 2004 nhưng số liệu chưa được xử lý và đang được công vào báo cáo toàn Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu (trực tiếp, ủy thác) hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị các loại (thi công xây dựng, ngành điện, văn phòng, trang thiết bị dụng cụ y tế), vật liệu xây dựng, nội thất, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng tiêu dùng, hàng nông, lâm, hải sản, khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm), hàng công nghệ phẩm, dệt may, hàng da;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất và gia công chế biến các sản phẩm gỗ mỹ nghệ, thêu ren, các hàng hóa tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), cho thuê văn phòng và nhà ở, kho bãi, nhà xưởng sản xuất;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý bán hàng hóa cho các nhà sản xuất, thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm thủ công mỹ nghệ ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh phương tiện vận tải;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Mua bán sắt thép, sắt thép phế liệu, kim loại màu làm nguyên liệu cho sản xuất (trừ loại Nhà nước cấm).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm 2007, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ VND lên 85,22 tỷ VND nhưng đến thời điểm 18 tháng 01 năm 2008 Công ty mới hoàn thành thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6.

Năm 2007, Công ty chấm dứt hợp đồng cho Công ty TNHH An Dương thuê văn phòng tại 31-33 Ngõ Quyền - Hà Nội và bị phạt vi phạm hợp đồng 1.000.000 USD (đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 đã trả được 8.104.000.000 VND). Đồng thời Công ty cho Sở Giao dịch Ngân hàng Ngoại thương thuê văn phòng này từ năm 2008 đến năm 2011, Sở Giao dịch Ngân hàng Ngoại thương trả trước tiền thuê trong 03 năm với điều kiện Công ty phải trả lãi tính trên khoản doanh thu nhận trước đó.

Ngày 19 tháng 12 năm 2007, Công ty có sự thay đổi Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành trong thời kỳ từ năm 2005 đến năm 2007 có một số sai phạm trong quản lý sử dụng tiền mặt của Công ty phải làm việc với cơ quan pháp luật. Ngày 18 tháng 7 năm 2008, Công ty tiếp tục có sự thay đổi cơ bản bộ máy lãnh đạo từ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đến Ban Giám đốc (chi tiết được trình bày dưới đây).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 38).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

- * Đến ngày 18/07/2008:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Văn Khôi	Chủ tịch	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Bình	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Ông Vũ Văn Phúc	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008

BAO CAO CUA BAN GIAM DOC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Ông Hà Xuân Khang	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Kim Hướng	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Bà Lê Thị Mỹ Hoàn	Ủy viên	15 tháng 12 năm 2004	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Ngọc Tiến	Trưởng ban	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Bà Trần Thị Hồng Đức	Thành viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Thành viên	15 tháng 12 năm 2004	18 tháng 7 năm 2008

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc	25 tháng 01 năm 2005	19 tháng 12 năm 2007
Ông Vũ Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 01 năm 2005	19 tháng 12 năm 2007
Ông Vũ Văn Phúc	Tổng Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007	22 tháng 7 năm 2008
Ông Hà Xuân Khang	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007	21 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007	22 tháng 7 năm 2008

• Từ 18/07/2008 đến nay:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đường Thị Ngân	Chủ tịch	18 tháng 7 năm 2008
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Bà Lê Thị Mỹ Hoàn	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Ông Trịnh Quốc Thái	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Nguyên Phương	Trưởng ban	18 tháng 7 năm 2008
Bà Mai Thị Thanh	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008
Bà Dặng Thị Thu Hà	Thành viên	18 tháng 7 năm 2008

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Quốc Thái	Tổng Giám đốc	22 tháng 7 năm 2008
Bà Đường Thị Ngân	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 7 năm 2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trịnh Quốc Thái

Ngày 29 tháng 12 năm 2008





www.auditconsal.com.vn

CÔNG TY TƯ NHỊP KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters
Branch in Hanoi
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa
Branch in Can Tho

229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City
40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City
18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
162C/9 Tran Ngoc Quyen St., Ninh Kiều District, Cai Lao City

Tel: (84-8) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Tel: (84-4) 7 367 879 - Fax: (84-4) 7 367 889
Tel: (058) 876 525 - Fax: (84-58) 875 527
Tel: (0711) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 251/2008/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Kính gửi: CỘ ĐỘNG, HỘI ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2007 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 12 năm 2008, từ trang 08 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Do công việc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty, cũng như không thể áp dụng phương pháp kiểm toán thay thế khác để xác định số lượng, tình trạng và giá trị thực tế của hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nói trên.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, toàn bộ số dư công nợ phải thu, phải trả với khách hàng nước ngoài của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại Hồ Chí Minh chưa được đối chiếu với các đối tượng có liên quan. Với các tài liệu hiện có tại Chi nhánh, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính chính xác của các số dư công nợ khách hàng nước ngoài phản ánh trên Báo cáo tài chính năm 2007 của Chi nhánh (xem thuyết minh số V.4, V.17 và V.18).

Hết đồng trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại thuyết minh số VI.8 và V.19 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2007 (khoản mục Chi phí khác) một số khoản chi của các niên độ kế toán trước, bao gồm:

VND	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tài khoản tiền vay ngân hàng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp năm 2004	2.940.377.446
Xử lý công nợ lò gas Chi nhánh Bát Tràng phát sinh trước thời điểm cỗ phân hoá năm 2004	301.223.000
Giá trị còn lại nhà 2A Phạm Sư Mạnh phá dỡ năm 2005	2.054.462.488
Thuế nhập khẩu hạt điều năm 2006 bị phạt, bị truy thu	185.302.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá năm 2006	180.000.000
Chi phí lãi vay năm 2006	3.061.831.625
Chi phí lương chi quâcủa năm 2006	3.761.996.825
Cộng	12.485.193.446

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" thì các khoản chi phí này phải được điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm xảy ra sai sót. Theo đó, khoản chi phí của năm nào phải được điều chỉnh hồi tố về Báo cáo tài chính năm đó. Nếu **được điều chỉnh hồi tố** thì lợi nhuận trên Báo cáo tài chính của các năm giảm và lợi nhuận năm 2007 tăng tương ứng như sau:

VND	
Năm 2004	3.241.600.446
Năm 2005	2.054.462.488
Năm 2006	7.189.130.512
Cộng	12.485.193.446

Các vấn đề nêu trên chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Hồng Thanh
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0053/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2008

Kiểm toán viên

Cao Thu Hiền
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV

7

Member of International - A world-wide organization of professional accounting firms and business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÀN HẠN	100		268.729.831.005	210.637.197.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.334.436.664	5.916.358.905
1. Tiền	111		39.334.436.664	5.916.358.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.971.250.000	88.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.334.611.650	88.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(363.361.650)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.415.961.214	118.325.834.606
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	107.470.538.582	100.583.481.748
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	27.093.657.220	4.527.480.562
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	42.851.765.412	13.214.872.296
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		30.060.090.910	75.836.267.467
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.060.090.910	75.836.267.467
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.948.092.217	10.470.736.141
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.901.718.913	5.624.439.475
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	772.180.843	146.345.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.274.192.461	4.699.950.986

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

8

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.290.794.806	52.193.604.496
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67.712.322.814	44.275.405.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	39.493.239.256	43.160.837.792
<i>Nguyên giá</i>	222		63.437.011.133	63.093.800.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.943.771.879)	(19.932.962.848)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	327.033.333	296.700.000
<i>Nguyên giá</i>	228		328.700.000	296.700.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.666.667)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	27.892.050.225	817.868.125
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.800.405.808	3.750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	1.350.000.000	3.750.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	4.450.405.808	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.778.066.184	4.168.198.579
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	11.778.066.184	4.168.198.579
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		354.020.625.811	262.830.801.615

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		275.521.492.761	204.252.238.682
I. Nợ ngắn hạn	310		247.879.723.871	191.186.346.682
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	99.718.692.281	134.668.486.171
2. Phải trả người bán	312	V.17	22.882.480.304	31.159.271.243
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	104.167.663.556	9.085.963.604
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	5.716.321.699	7.470.304.664
5. Phải trả người lao động	315		5.400.000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	1.190.400.362	1.559.191.483
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	14.198.765.669	7.243.129.517
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.641.768.890	13.065.892.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	27.540.094.976	13.065.892.000
5. Thuê thu nhập hoàn lại phải trả	335	V.23	17.657.084	-
6. Dự phòng trù cắp mất việc làm	336	V.24	84.016.830	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.499.133.050	58.578.562.933
I. Vốn chủ sở hữu	410		78.646.297.143	58.436.698.513
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	85.220.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	18.100.000.000	2.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quý	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	678.732.075	3.198.732.075
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	234.024.250	170.031.278
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	(25.586.459.182)	2.367.935.160
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(147.164.093)	141.864.420
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	(147.164.093)	141.864.420
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		354.020.625.811	262.830.801.615

Báo cáo này phải được đọc cùng với Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

TRẠM XUẤT KHẨU PHẨM CƠ MẠNG QUỐC TẾ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Dịa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bùn hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		307.930,77	207.887,28
Euro (EUR)		11.052,88	502,63
Yên Nhật (¥)		701.282,00	33.000,00
Dollar Úc (AUD)		7,12	-
Bảng Anh (£)		0,33	0,33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Lập ngày 29 tháng 12 năm 2008

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Minh Tâm

Tổng Giám đốc



Trịnh Quốc Thái

Báo cáo này phải được đọc cùng với Báo cáo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

11

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2007

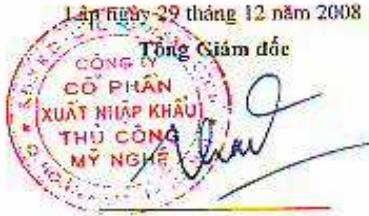
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	646.061.649.821	583.571.043.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	646.061.649.821	583.571.043.808
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	588.531.633.461	540.579.473.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.530.016.360	42.991.569.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	8.195.098.446	7.619.954.304
7. Chi phí tài chính	22	VL4	15.783.633.015	13.091.464.724
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.939.848.370	8.741.807.176
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	38.563.739.046	24.288.182.376
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	9.512.901.818	6.359.532.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.864.840.927	6.872.344.647
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.412.217.655	407.146.850
12. Chi phí khác	32	VL8	28.899.802.868	116.766.494
13. Lợi nhuận khác	40		(27.487.585.213)	290.380.356
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.622.744.286)	7.162.725.003
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		17.657.084	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(25.640.401.370)	7.162.725.003
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	(4.074)	1.893

Lập ngày 29 tháng 12 năm 2008

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Minh Tâm



Trịnh Quốc Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp giản tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(25.622.744.286)	7.162.725.003
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.012.475.698	4.149.019.216
- Các khoản dự phòng	03	V1.4	363.361.650	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	V1.3	(126.122.030)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.112.633.674)	(6.400.021.075)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	12.939.848.370	8.741.807.176
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(13.545.814.272)	13.633.530.320
- <i>Tăng, giảm các khoản phải thu</i>	09		(58.661.204.804)	6.616.963.677
- <i>Tăng, giảm hàng tồn kho</i>	10		45.776.176.557	(33.947.252.680)
- <i>Tăng, giảm các khoản phải trả</i>	11		90.414.667.125	7.806.553.687
- <i>Tăng, giảm chi phí trả trước</i>	12		(7.609.867.605)	527.588.846
- <i>Tiền lãi vay đã trả</i>	13		(14.073.932.990)	(8.690.796.012)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(656.097.143)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		614.947.748	56.558.757
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(391.936.333)	(623.829.150)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>41.866.938.283</u>	<u>(14.690.682.555)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.739.920.886)	(2.359.328.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	389.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(28.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.050.405.808)	(3.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.112.633.674	6.152.347.489
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(32.677.693.020)</u>	<u>404.018.601</u>

Báo cáo này phải đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

13

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: Số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	8.400.000.000	37.500.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	279.712.799.620	299.774.303.786	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(262.579.271.758)	(325.257.383.056)	
5. Tiền chi trả налог tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.334.950.000)	(3.023.752.768)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.198.577.862	8.993.167.962	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	33.387.823.125	(5.203.495.992)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	5.916.358.905	11.119.854.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.254.634	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	39.334.436.664	5.916.358.905

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Minh Tâm



Trịnh Quốc Thái

Kế toán

Báo cáo này phải đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

14

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ
3. Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh xuất nhập khẩu (trực tiếp, ủy thác) hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị các loại (thiếc công xây dựng, ngành điện, văn phòng, trang thiết bị dụng cụ y tế), vật liệu xây dựng, nội thất, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng tiêu dùng, hàng nông, lâm, hải sản, khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm), hàng công nghệ phẩm, dệt may, hàng da; Sản xuất và gia công chế biến các sản phẩm gỗ mỹ nghệ, thêu ren, các hàng hóa tiêu dùng; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), cho thuê văn phòng và nhà ở, kho bãi, nhà xưởng sản xuất; Kinh doanh dịch vụ đại lý bán hàng hóa cho các nhà sản xuất, thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm thủ công mỹ nghệ ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; Kinh doanh phương tiện vận tải; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Mua bán sắt thép, sắt thép phế liệu, kim loại malleable làm nguyên liệu cho sản xuất (trừ loại Nhà nước cấm).

II. NĂM TÀI CHINH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản lương tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tinh đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Là chi phí thiết kế trang web Công ty và được khấu hao trong 3 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chứng trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phản bộ phản của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và các chi phí văn phòng trả trước khác

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và các chi phí văn phòng trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm, mỗi năm 01 lần.

Chi phí tổ chức hội chợ

Chi phí tổ chức hội chợ là toàn bộ chi phí phát sinh cho việc tổ chức các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm, mỗi năm 01 lần.

Chi phí lãi vay trả trước

Chi phí lãi vay do Sở Giao dịch Ngân hàng Ngoại thương trả trước tiền thuê văn phòng trong 03 năm được phân bổ vào chi phí theo số ngày thực tế phát sinh trên hợp đồng cho thuê.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2007 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2006 : 16.091 VND/USD

31/12/2007 : 16.114 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI
 KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	959.912.326	433.043.057
Tiền gửi ngân hàng	38.374.524.338	5.483.315.848
Cộng	39.334.436.664	5.916.358.905

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.484.611.650	88.000.000
- <i>Cổ phiếu Eximbank</i>	183.000.000	88.000.000
<i>Số lượng (Cổ phiếu)</i>	183	88
- <i>Cổ phiếu NTP</i>	1.155.381.250	
<i>Số lượng (Cổ phiếu)</i>	7.500	
- <i>Cổ phiếu BVS</i>	146.230.400	
<i>Số lượng (Cổ phiếu)</i>	400	
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay ngắn hạn)	8.850.000.000	
Cộng	10.334.611.650	88.000.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng trong nước	90.887.117.404	80.211.959.634
Phải thu các khách hàng nước ngoài (*)	16.583.421.178	20.371.522.114
Cộng	107.470.538.582	100.583.481.748

(*) Trong đó, số dư phải thu các khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh thời điểm 31/12/2007 chưa đổi chiếu được là: 455.992.590 VND.

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán trong nước	13.809.971.882	36.603.835
Trả trước cho người bán nước ngoài	13.283.685.338	4.490.876.727
Cộng	27.093.657.220	4.527.480.562

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	52.920.000	68.570.000
Cho Công ty Cổ phần Dệt Sợi Dam San vay		800.000.000
Công nợ tồn động của chi nhánh Hải Phòng		1.653.277.536
Phải thu các phòng trong Công ty - khoản ứng tiền để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh chưa quyết toán		379.045.371
Phải thu ông Nguyễn Văn Bình (*)	39.997.400.000	
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ công nhân viên	119.229.196	
Phải thu các khoản cho nhân viên vay		85.637.631
Cho Công ty Cổ phần Quản lý Kinh doanh nhà cao tầng BMC vay		4.450.000.000
Các khoản trả trước và đặt cọc cho nhà cung cấp XDCB công trình 2A Phạm Sư Mạnh		675.626.761
Tiền cho Artextport Bát Tràng mượn		301.223.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tờ khai 1052	30.339.288	
Phải thu người lao động - quỹ lương năm 2006 chi quá		3.761.996.825
Phải thu Công ty Đại Minh - Đà Nẵng		10.199.134
Phải thu Trần Ngọc Dũng - 23 Láng Hạ	35.000.000	35.000.000
Phải thu ông Nguyễn Đình Phong (lô hàng xe nâng điện kém chất lượng)	926.815.500	
Phải thu ông Mai úng tiền làm thủ tục mua đất	1.330.000.000	
Công ty TNHH Vinh Hòa (giá trị lô hàng xuất gia công)	260.577.676	
Phải thu khác	99.483.752	994.296.038
Cộng	42.851.765.412	13.214.872.296

(*) Là khoản phải thu do ông Nguyễn Văn Bình đã chuyển tiền sai mục đích vượt quá thẩm quyền theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 86/HĐQT ngày 23/11/2007 và Công văn số 84/ANKT (P6) ngày 23/01/2008 của Cục Bảo vệ An ninh Kinh tế. Số tiền này đã được ông Bình nộp về Công ty ngày 23/01/2008.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	79.353.000	4.855.978.497
Công cụ, dụng cụ		4.535.009
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	194.577.820	
Hàng hóa	29.786.160.090	70.975.753.961
Cộng	30.060.090.910	75.836.267.467

8. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	656.097.143	
Thuế nhà đất	116.083.700	146.345.680
Cộng	<u>772.180.843</u>	<u>146.345.680</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	8.222.392.461	4.649.258.806
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.800.000	50.692.180
Cộng	<u>8.274.192.461</u>	<u>4.699.950.986</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	59.152.427.789	2.835.202.587	1.106.170.264	63.093.800.640
Tăng trong năm do mua sắm mới			343.210.495	343.210.495
Giảm trong năm				
Số cuối năm	59.152.427.789	2.835.202.587	1.449.380.759	63.437.011.135
<i>Trong đó:</i>				
Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.983.282.279	517.283.998	443.061.979	2.943.628.256
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	17.965.101.746	1.248.440.359	719.420.743	19.932.962.848
Tăng trong năm do khấu hao	3.431.690.850	354.366.027	224.752.154	4.010.809.031
Giảm trong năm				
Số cuối năm	21.396.792.596	1.602.806.386	944.172.897	23.943.771.879
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	41.187.326.043	1.586.762.228	386.749.521	43.160.837.792
Số cuối năm	37.755.635.193	1.232.396.201	505.207.862	39.493.239.256

Tòa nhà 31-33 Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 40.602.276.972 đồng và 33.763.253.663 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

HĐTD/TCMN – VCB ngày 10 tháng 02 năm 2003 và hợp đồng tín dụng số 02 HĐTD/TCMN -
 VCB ngày 08 tháng 10 năm 2003.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	296.700.000			296.700.000
Tăng trong năm do mua sắm mới		20.000.000	12.000.000	32.000.000
Giảm trong năm				
Số cuối năm	296.700.000	20.000.000	12.000.000	328.700.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				
Tăng trong năm do khấu hao		1.666.667		1.666.667
Giảm trong năm				
Số cuối năm		1.666.667		1.666.667
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	296.700.000			296.700.000
Số cuối năm	296.700.000	18.333.333	12.000.000	327.033.333

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình 2A Phạm Sư Mạnh	
Số đầu năm	817.868.125
Chi phí phát sinh trong năm	27.084.932.100
Kết chuyển vào TSCD trong năm	
Kết chuyển giảm khác	(10.750.000)
Số cuối năm	27.892.050.225

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH Fabi Secret Việt Nam	25%	21%	1.350.000.000

14. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dệt sợi Đam San, tỷ lệ cổ phần sở hữu của Công ty theo giấy phép là 14,25%, tỷ lệ vốn đã thực góp là 13,22% vốn điều lệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí CCDC và sửa chữa tài sản	388.769.577	373.151.386	415.763.411	346.157.552
Chi phí tham gia hội chợ thương mại	1.724.966.514	429.192.378	1.296.339.325	857.819.567
Giá trị còn lại nhà 2A Phạm Sư Mạnh đã thanh lý chờ phân bổ vào chi phí	2.054.462.488		2.054.462.488	
Lãi trả trước tính trên số tiền Vietcombank ứng trước để thuê nhà 31-33 Ngô Quyền		13.148.457.586	2.581.406.230	10.567.051.356
Phi bảo hiểm tài sản		14.075.417	7.037.708	7.037.709
Cộng	4.168.198.579	13.964.876.767	6.355.009.162	11.778.066.184

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	72.679.602.581	97.168.486.171
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	72.469.602.581	66.070.290.123
Trong đương nguyên tệ (USD)	4.497.306.85	4.106.040.03
- Ngân hàng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Nam		6.808.102.100
Trong đương nguyên tệ (USD)		423.100.00
- Ngân hàng IndoVina - Chi nhánh Hà Nội		21.900.559.852
+ Bằng VND		6.014.190.708
+ Bằng USD		15.886.369.144
Trong đương nguyên tệ (USD)		987.282.90
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		2.389.534.096
Trong đương nguyên tệ (USD)		148.501.28
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (VND)	210.000.000	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	20.997.400.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Artextport	5.290.000.000	
- Ông Nguyễn Thanh Tùng	3.800.000.000	
- Ông Lê Tuấn Anh	6.100.000.000	
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên	2.727.000.000	
- Bà Nguyễn Thị Quý	2.500.000.000	
- Bà Lê Thị Mỹ Hoàn	580.400.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.041.689.700	
Trái phiếu phát hành đến hạn trả		37.500.000.000
Cộng	99.718.692.281	134.668.486.171

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	97.168.486.171	233.823.823.539	258.224.943.480	87.763.649	72.679.602.581
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		20.997.400.000			20.997.400.000
Vay dài hạn đến hạn trả		6.041.689.700			6.041.689.700
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	37.500.000.000			37.500.000.000	
Cộng	134.668.486.171	254.821.223.539	6.041.689.700	37.587.763.649	99.718.692.281

(*) Giảm khác bao gồm:

- Vay ngắn hạn ngân hàng là lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm.
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả trong năm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ chuyển đổi là 3 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng đổi được 20 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng.

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán trong nước	11.845.085.971	19.845.176.707
Phải trả người bán nước ngoài (*)	11.037.394.333	11.314.094.536
Cộng	22.882.480.304	31.159.271.243

(*) Trong đó, số dư phải trả các khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh thời điểm 31/12/2007 chưa đổi chiếu được là: 4.449.805.557 VND.

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước (*)	20.381.208.440	8.834.043.674
Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê TSCD, bất động sản đầu tư	83.786.455.116	251.919.930
Cộng	104.167.663.556	9.085.963.604

(*) Trong đó, số dư khách hàng nước ngoài trả tiền trước tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh thời điểm 31/12/2007 chưa đổi chiếu được là: 928.824.368 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	255.113.390	2.508.395.555	112.660.566	2.650.848.379
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.641.470.883	23.079.985.811	24.414.663.775	2.306.792.919
Thuế tiêu thụ đặc biệt		3.291.372.999	3.291.372.999	
Thuế xuất, nhập khẩu	3.311.019.812	23.724.350.374	26.510.021.357	525.348.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp			656.097.143	(656.097.143)
Thuế thu nhập cá nhân	87.879.633	163.577.549	129.157.556	122.299.626
Thuế nhà đất (*)	23.484.320	539.563.725	573.090.745	(10.042.700)
Các loại thuế khác	4.990.946	7.000.000	7.000.000	4.990.946
Cộng	7.323.958.984	53.314.246.013	55.694.064.141	4.944.140.856

Trong đó

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	(772.180.843)	(146.345.680)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.716.321.699	7.470.304.664
Cộng	4.944.140.856	7.323.958.984

(*) Thuế nhà đất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhà đất Văn phòng Công ty và các Chi nhánh nộp thừa phái thu nhà nước	(116.083.700)	(146.345.680)
Thuế nhà đất phải nộp tại các Chi nhánh khác	106.041.000	169.830.000
Cộng	(10.042.700)	23.484.320

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% cho hàng xuất khẩu, hàng trong nước 5% hoặc 10% tùy theo từng loại hàng hóa hoặc dịch vụ cung cấp theo quy định hiện hành.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.622.744.286)	7.162.725.003
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng (*)	16.996.957.888	10.803.717
- Các khoản điều chỉnh giảm	(345.722.030)	
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(126.122.030)	
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(219.600.000)	
Tổng thu nhập chịu thuế	(8.971.508.428)	7.173.528.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế TNDN dự tính phải nộp năm nay		2.008.588.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn		(2.008.588.042)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		

(*) Các khoản điều chỉnh tăng bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá năm 2004	2.940.377.446	
Chi phí xây lò Bát Tràng hạch toán sai	301.223.000	
Chi phí lãi vay năm 2006	3.061.831.625	
Lỗ chênh lệch tỷ giá của năm 2006	180.000.000	
Chi phí lương chi quá của năm 2006	3.761.996.825	
Khoản phạt vi phạm hợp đồng Công ty TNHH An Dương	6.262.057.172	
Một số khoản công nợ phải thu khác có số dư lỗ	304.169.758	
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác		10.803.717
Thuế nhập khẩu hạt điều năm 2006	185.302.062	
Cộng	16.996.957.888	10.803.717

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	940.400.362	156.557.364
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	250.000.000	501.742.000
Chi phí sản xuất kinh doanh khác		900.892.119
Cộng	1.190.400.362	1.559.191.483

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	35.929.697	
Bảo hiểm y tế		29.304.600
Kinh phí công đoàn	110.145.628	
Cố tức, lợi nhuận phải trả	21.780.000	1.356.730.000
Phải trả về cổ phần hóa	330.050.000	330.050.000
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	3.721.129.620	195.743.400
Thuế GTGT của lô hàng bán cho công ty TNHH Nam Dô đã hạch toán doanh thu năm 2007 nhưng sang năm 2008 mới phát hành hóa đơn GTGT và kê khai nộp thuế	383.209.782	
Công ty Quản lý Nhà Cao tầng BMC		353.684.766
Các khoản khách hàng đặt cọc thuê nhà	657.984.568	93.729.000
+ Công ty Cổ phần TPS Việt Nam	9.000.000	
+ Kho Đồng Mỹ	93.729.000	93.729.000
+ Techcombank Thủ Thừa Long	107.029.188	
+ Công ty TNHH ICS	10.817.440	
+ Công ty TNHH Star Việt Nam	64.180.000	
+ Văn phòng Hội đồng Chính sách Kế hoạch và Công nghệ Quốc Gia Việt Nam	26.133.380	
+ Văn phòng đại diện TD DVH BV tại Hà Nội	219.956.100	
+ Công ty Cung ương Nhựa đường	127.139.460	
Đoàn phí công đoàn	15.687.360	
Công ty TNHH An Dương - Phạt vi phạm hợp đồng	8.001.000.000	
Phải trả các phòng tiền ứng để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh		20.092.320
Các khoản phải trả cán bộ công nhân viên	455.564.024	
Hoàng Ngọc Tiến - Nợ tiền vay	50.000.000	50.000.000
Phải trả tiền vay quỹ công đoàn	16.250.000	
Các khoản phải trả khác	400.034.990	4.813.795.431
Cộng	14.198.765.669	7.243.129.517

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 01 HDTD/TCMN - VCB ngày 10/02/2003 ^(a)	3.545.080.000	11.263.700.000
Tương đương nguyên tệ (USD)	220.000,00	700.000,00
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 02 HDTD.2003/TCMN - VCB ngày 08/10/2003 ^(b)	773.472.000	1.802.192.000
Tương đương nguyên tệ (USD)	48.000,00	112.000,00
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 02/HDTD/VCB.SGD - ARTE ngày 26/01/2007 ^(c)	23.221.542.976	
Tương đương nguyên tệ (USD)	1.441.078,75	
Cộng	27.540.094.976	13.065.892.000

(a) Khoản vay để thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị cho tòa nhà tại 31 - 33 Ngõ Quyền, Hà Nội với lãi suất Sibor 6 tháng + 1,75%/năm trong thời hạn 78 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên và thời gian ân hạn là 18 tháng.

(b) Khoản vay để thanh toán chi phí nhập khẩu vật tư, thiết bị cho việc xây dựng tòa nhà tại 31 - 33 Ngõ Quyền, Hà Nội với lãi suất Sibor 6 tháng + 2,2%/năm trong thời hạn 78 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên và thời gian ân hạn là 18 tháng.

Cả hai khoản vay trên được đảm bảo bằng việc thế chấp tòa nhà 31 - 33 Ngõ Quyền, Hà Nội kèm theo quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T813376 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2002.

(c) Khoản vay để đầu tư xây dựng văn phòng giao dịch và giới thiệu sản phẩm ARTEXPORT HOUSE, tại số 2A Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội với lãi suất Sibor 6 tháng + 2,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	4.318.552.000
Tren 1 năm đến 5 năm	23.221.542.976
Trên 5 năm	
Tổng nợ	27.540.094.976

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

Số đầu năm	13.065.892.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	24.891.576.081
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.354.328.278)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(6.041.689.700)
Giảm khác (danh giá chênh lệch tỷ giá)	(21.355.127)
Số cuối năm	27.540.094.976

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các
khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

17.657.084

Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn
lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

Số cuối năm

17.657.084**24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm

Số trích lập trong năm

63.591.930

Tăng khác (Bộ Thương mại chuyên tiền - Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư)

20.424.900

Số cuối năm

84.016.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CỘNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Công
32.000.000.000				1.054.436.311	33.054.436.311
18.000.000.000	2.700.000.000			20.700.000.000	
Cổ đông góp vốn					
Lợi nhuận trong năm trước				7.162.725.003	7.162.725.003
Trích lập các quỹ trong năm trước				(410.494.079)	(240.462.891)
Chia cổ tức năm trước				(2.240.000.000)	(2.240.000.000)
Tăng quỹ đầu tư phát triển từ số thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước được miễn		3.198.732.075		(3.198.732.075)	
Trong đó: thuế năm 2006 được miễn thuế năm 2005 được miễn		2.008.588.042		(2.008.588.042)	
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	2.700.000.000	3.198.732.075	170.031.278	58.436.698.513
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	2.700.000.000	3.198.732.075	170.031.278	58.436.698.513
Cổ đông góp vốn	35.220.000.000	15.400.000.000	(2.520.000.000)	(2.200.000.000)	45.900.000.000
Trong đó: góp bằng tiền	2.800.000.000	5.600.000.000			8.400.000.000
Tăng vốn từ trái phiếu phát hành đến hạn trả	25.000.000.000	12.500.000.000			37.500.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	2.200.000.000			(2.200.000.000)	
Cổ phiếu thường có phiếu	5.220.000.000	(2.700.000.000)	(2.520.000.000)		
Quỹ đầu tư phát triển					
Lợi nhuận trong năm này				(25.640.401.370)	(25.640.401.370)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2006				(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm nay	85.220.000.000	18.100.000.000	678.732.075	234.024.250	78.646.297.143

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Bảo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	7.392.000.000	6.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77.828.000.000	43.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	18.100.000.000	2.700.000.000
Cộng	103.320.000.000	52.700.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 37.500.000.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước (trả bằng tiền)	1.334.950.000
Cổ tức năm trước (trả bằng cổ phiếu)	2.200.000.000
Cộng	3.534.950.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.522.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.522.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.522.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.522.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.522.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	141.864.420
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	50.000.000
Chi quỹ trong năm	(339.028.513)
Số cuối năm	(147.164.093)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	627.286.127.361	565.355.508.539
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.864.648.337	1.662.428.187
Doanh thu cho thuê nhà	16.910.874.123	16.553.107.082
Cộng	646.061.649.821	583.571.043.808

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	580.765.246.180	533.547.226.691
Giá vốn cho thuê nhà (*)	7.766.387.281	7.032.247.191
Cộng	588.531.633.461	540.579.473.882

(*) Giá vốn cho thuê nhà trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.959.418.819	3.023.451.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	4.806.968.462	4.008.795.651
Cộng	7.766.387.281	7.032.247.191

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.618.761.500	179.597.021
Lãi tiền cho vay	3.274.272.174	5.972.750.468
Cô tức, lợi nhuận được chia	219.600.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	126.122.030	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.719.971.560	1.467.606.815
Lãi kinh doanh chứng khoán	236.371.182	
Cộng	8.195.098.446	7.619.954.304

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.358.442.140	8.741.807.176
Chi phí trả lãi cho Vietcombank ứng trước tiền thuê nhà theo hợp đồng	2.581.406.230	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.480.422.995	4.349.657.548
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán	363.361.650	
Cộng	15.783.633.015	13.091.464.724

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.647.394.433	2.844.921.104
Chi phí vận chuyển	21.918.290.378	10.458.970.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài và Chi phí khác bằng tiền	10.998.054.235	10.984.290.963
Cộng	38.563.739.046	24.288.182.376

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.136.845.206	2.544.325.072
Chi phí đồ dùng văn phòng	318.250.972	266.992.651
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.053.056.879	1.061.522.073
Thuế, phí và lệ phí	541.268.365	495.762.234
Chi phí dự phòng trù cắp mất việc làm	63.591.930	
Chi phí dịch vụ mua ngoài và Chi phí khác bằng tiền	3.399.888.466	1.990.930.453
Cộng	9.512.901.818	6.359.532.483

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		353.636.363
Các khoản nợ không xác định được chủ	1.388.746.955	
Thu nhập khác	23.470.700	53.510.487
Cộng	1.412.217.655	407.146.850

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bị bỏ sót năm trước ghi nhận vào chi phí năm nay	12.485.193.446	
<i>Năm 2004:</i>		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá tại thời điểm định giá xác định giá trị doanh nghiệp</i>	2.940.377.446	
<i>Xíu lý công nợ lô gas Bát Tràng</i>	301.223.000	
<i>Cộng</i>	3.241.600.446	
<i>Năm 2005:</i>		
<i>Giá trị còn lại của nhà 2A Phạm Sư Mạnh phá dỡ</i>	2.054.462.488	
<i>Cộng</i>	2.054.462.488	
<i>Năm 2006:</i>		
<i>Thuế nhập khẩu hạt điều bị truy thu</i>	185.302.062	
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	180.000.000	
<i>Chi phí lãi vay</i>	3.061.831.625	
<i>Chi phí lương chi quá cho cán bộ công nhân viên</i>	3.761.996.825	
<i>Cộng</i>	7.189.130.512	
Chi phí khác phát sinh trong năm	16.414.609.422	116.766.494
<i>Giá trị còn lại TSCD nhượng bán, thanh lý</i>		105.962.777
<i>Phạt do vi phạm hợp đồng với Công ty TNHH An Dương (*)</i>	16.105.000.000	
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>		6.861.485
<i>Xíu lý công nợ nhỏ lẻ</i>	304.169.758	
<i>Chi phí khác</i>	5.439.664	3.942.232
<i>Cộng</i>	28.899.802.868	116.766.494
<i>(*) Trong đó:</i>		VND
<i>Số chi phí có chứng từ hợp lệ</i>		9.842.942.828
<i>Số chi phí không có chứng từ hợp lệ</i>		6.262.057.172
<i>Cộng</i>		16.105.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(25.640.401.370)	7.162.725.003
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(25.640.401.370)	7.162.725.003
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.293.078	3.783.186
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.074)	1.893

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	3.360.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành ngày 10 tháng 10 năm 2006		423.186
Ảnh hưởng của 220.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2007	216.581	
Trong đó cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	196.000	
Thường cho Cán bộ công nhân viên	20.581	
Ảnh hưởng của 280.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 07 năm 2007	140.000	
Ảnh hưởng của 2.500.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 11 năm 2007	416.667	
Ảnh hưởng của 522.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 17 tháng 12 năm 2007	519.830	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.293.078	3.783.186

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Fabi Secret Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần dệt sợi Dam San	Công ty góp vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Fabi Secret Việt Nam</i>		
Cho công ty TNHH Fabi Secret Việt Nam vay không lấy lãi	150.000.000	
Nhận tiền góp vốn của Fabi	4.200.000.000	
Giá trị TSCĐ nhập khẩu ủy thác cho Fabi Secret		3.950.990.440
Phi nhập khẩu ủy thác phải thu		11.606.298
Mua hàng của Fabi Secret		562.147.200
<i>Công ty Cổ phần dệt sợi Đam San</i>		
Bán hàng hóa cho Đam San	66.397.146.924	460.583.518
Giá trị hàng hóa nhập khẩu ủy thác cho Đam San	47.602.196.690	32.985.766.000
Phi nhập khẩu ủy thác phải thu	214.133.621	149.935.299
Cho Đam San vay ngắn hạn	8.850.000.000	
Lãi tiền cho vay	141.300.000	
Nhận tiền góp vốn của Đam San	4.200.000.000	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Fabi Secret Việt Nam</i>		
Phi ủy thác và tiền ủy thác phải thu		340.043.058
<i>Công ty Cổ phần dệt sợi Đam San</i>	29.065.615.884	1.745.865.822
Phi ủy thác và tiền ủy thác phải thu	135.159.252	450.734.829
Tiền hàng hóa phải thu	20.080.456.632	495.130.993
Cho Đam San vay ngắn hạn	8.850.000.000	800.000.000
Công nợ phải thu	29.065.615.884	2.085.908.880

2. Chi phí lãi vay

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh (*)	12.939.848.370
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào công trình 2A Phạm Sư Mạnh	1.022.203.708
Tổng chi phí lãi vay	13.962.052.078
Tỷ lệ vốn hóa	7,3%

(*) Trong đó chi phí lãi vay trả cho ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ứng trước tiền thuê nhà chờ phân bổ là: 2.581.406.488 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	75,91	80,14
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24,09	19,86
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,83	77,71
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,17	22,29
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,29
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,10
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,03
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%		1,21
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%		1,21
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%		2,73
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%		2,73
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>			
	%		12,26

Lập ngày 29 tháng 12 năm 2008

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Minh Tâm

Tổng Giám đốc



Trịnh Quốc Thái



(

卷之二

1995-0000

$\Delta \leq \epsilon^{\frac{1}{2}} + O(\sqrt{\epsilon}, \lambda)$

$\mathcal{P}_\omega(x) \leq \varepsilon$ if $x \in \mathcal{N}$

W.M. + 2

W.D. & Sons

• 5.0 X Hg

//_△_△

$$\|v/\sqrt{2} - \frac{1}{2}\pm\frac{\sqrt{3}}{2}\|_{L^2}$$

MS. A. 2. 1.

卷之三

卷之三

—

(

ALBERT